

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/HS-ST

Ngày 27/6/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Quyên là thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo: Kim Th, sinh ngày 26/4/1984 tại huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: ấp Cây H, xã Phú C, huyện Tiểu C, tỉnh Trà V. Nghề nghiệp: Tài Xế; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con Kim S, sinh năm 1958 và bà Thạch Thị Sa R, sinh năm 1958; Vợ: Thạch Thị Ngọc Đ và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án: không có; Tiền sự: không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 19/10/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Thạch S, sinh năm 1994; Địa chỉ: ấp Ô T, xã Châu Đ, huyện Cầu K, tỉnh Trà V (có mặt)

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967; Địa chỉ: khóm 2, thị trấn Tiểu C, huyện Tiểu C, tỉnh Trà V (vắng mặt có lý do)

3. Bà Triệu Mộng H, sinh năm 1967; Địa chỉ: khóm 2, thị trấn Tiểu C, huyện Tiểu C, tỉnh T (vắng mặt có lý do)

4. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1994; Địa chỉ: khóm 1, phường 2, thị xã Duyên H, tỉnh T (có mặt)

- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Thạch Thị Ngọc Đ, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp Cây H, xã Phú C, huyện Tiểu C, tỉnh T (vắng mặt có lý do)

2. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1999; Địa chỉ: khóm 7, phường 8, thành phố T, tỉnh T (vắng mặt có lý do)

3. Anh Lê Vũ Ph, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp An C, xã Tân H, huyện T, tỉnh T (vắng mặt có lý do)

4. Anh Đoàn Phú T, sinh năm 1999; Địa chỉ: ấp Đầu G, xã Mỹ Ch, huyện Châu Th, tỉnh T (vắng mặt có lý do)

5. Anh Huỳnh Gia Đ, sinh năm 2002; Địa chỉ: khóm 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh T (vắng mặt có lý do)

6. Chị Huỳnh Thị Tr, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp Sa B, xã Long Đ, thành phố Trà V, tỉnh T (vắng mặt không có lý do)

7. Anh Huỳnh Hoàng Tấn L, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp Kinh L, xã Long Đ, thành phố T, tỉnh T (vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối năm 2021 do biết anh Thạch S, sinh năm 1994 ngụ tại ấp Ô T, xã Châu Đ, huyện Cầu K, tỉnh T có nhu cầu học, Th sát hạch giấy phép lái xe hạng C và do cần tiền để trả nợ và tiêu sài cá nhân, nên bị cáo Kim Th đã đưa ra thông tin gian dối là mình có quen biết để đăng ký học và lo cho S Th đậu được giấy phép lái xe để S tin và hỏi S nếu đồng ý thì đưa tiền cho bị cáo, nH thực tế bị cáo không có quen biết ai để đăng ký Th sát hạch giấy phép lái xe. Tin lời của bị cáo Th nên anh S đã đưa tiền cho bị cáo tổng cộng 05 lần từ cuối năm 2021 đến khoảng tháng 03 năm 2022, địa điểm tại ấp Phú Thọ I, xã Hiếu Trung; Khóm 2, thị trấn Tiểu C; ấp Cây H, xã Phú C và một số nơi khác bị cáo và bị hại không nhớ địa điểm cụ thể với tổng số tiền 34.000.000 đồng (trong đó 29.000.000 đồng là tiền bị cáo Th gian dối chiếm đoạt qua thủ đoạn giúp đăng ký học và Th sát hạch giấy phép lái xe, còn lại 5.000.000 đồng là tiền mượn riêng cá nhân). Sau khi nhận được tiền bị cáo Th không làm gì mà lấy số tiền trên để trả nợ và tiêu sài cá nhân hết. Anh S nhiều lần liên hệ hỏi thì bị cáo luôn tìm cách né tránh và nói dối là đang làm thủ tục.

Sau khi đã nhận tiền từ anh S lần thứ nhất, vào đầu năm 2022 bị cáo Th có bàn và cùng thống nhất với anh S mua xe ô tô tải để bị cáo tập lái cho anh S và chạy thuê chở hàng hoặc có ai thuê cho thuê lại kiếm thêm tiền chia đôi. Đến tháng 02 năm 2022 qua giới Thệu của bị cáo anh S đã mua lại từ anh Lê Vũ Ph một xe ô tô tải biển số 84C – 014.07 với giá 48.000.000 đồng, mua xe cũ đã qua sử dụng, tuy nhiên chỉ làm giấy tay chưa làm thủ tục sang tên. Sau khi mua xe thì bị cáo kêu anh S đem xe để ở nhà vợ của

bị cáo thuộc ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần cho tiền và đưa giấy đăng ký xe để bị cáo giữ, quản lý khi có người thuê sẽ chạy kiếm thêm thu nhập hoặc cho người khác thuê lại. Trong thời gian trên bị cáo có chở thuê cho người khác 02 lần nH bị cáo không có đưa tiền cho anh S.

Đến tháng 05 năm 2022 do cần tiền trả nợ, lúc này bị cáo Th mới đem xe ô tô 84C – 014.07 và giấy đăng ký đến phường 8, thành phố T, tỉnh T cầm cho Nguyễn Minh T, sinh năm 1999 ngụ tại khóm 7, phường 8, thành phố T, tỉnh T với giá 25.000.000 đồng, sau khi lấy tiền bị cáo đã lấy 3.000.000 đồng đưa cho anh S và nói là tiền bị cáo cho thuê xe có được. Trong lúc cầm cho anh T thì bị cáo đã tìm người mua để bán xe ô tô tải trên để lấy tiền trả nợ, sau đó bị cáo đã chuộc lại xe và qua giới Thệu của anh T bị cáo đã tự liên hệ với anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1994 ngụ tại khóm 1, phường 2, thị xã Duyên H, tỉnh T để bán xe ô tô tải trên với giá 40.000.000 đồng tại nhà của T, để tạo lòng tin với anh L bị cáo đã đến nhà anh Ph mượn chụp ảnh qua điện thoại lại Căn cước Công dân và giấy chứng nhận kết hôn của anh Ph, sau đó gửi cho anh L và nói xe ô tô tải trên là do bị cáo mua lại của anh Ph nH chưa làm thủ tục sang tên nhằm mục đích để anh L tin thật và đồng ý mua xe trên. Khi nghe bị cáo Th nói và đã được gửi xem hình ảnh cùng với giấy chứng nhận đăng ký bản gốc tên của anh Lê Vũ Ph thì anh L đã tin là thật, đồng ý mua và đã đưa tiền cho bị cáo. Sau đó bị cáo đã dùng số tiền trên để trả nợ và tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi giao xe cho bị cáo anh S nhiều lần yêu cầu làm hợp đồng cho thuê nH không được, sau đó anh S đã tìm bị cáo Th để lấy lại xe nH không gặp và cũng không liên hệ được, nên anh S đã làm đơn trình báo đến Cơ quan điều tra.

Ngoài ra vào đầu tháng 9 năm 2022 do cần tiền trả nợ và chuộc xe trả cho anh T nên bị cáo Th đã tự mình toan tính với thủ đoạn sẽ tìm thuê xe ô tô, sau khi có xe sẽ làm giấy giả và đem đến tiệm cầm lấy tiền về trả nợ. Ngày 06/9/2022 bị cáo Th đã làm hợp đồng thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại xe Vios E, biển số 84A – 075.53 với anh Huỳnh Gia Đ, sinh năm 2002, ngụ Khóm 4, thị trấn Trà C, huyện Trà C, tỉnh T tại quán cà phê Milano thuộc ấp Phú L, xã Song L, huyện Châu T, tỉnh T với thời hạn thuê 15 ngày (từ ngày 06 tháng 9 đến ngày 21/9/2022), giá thuê 01 ngày 600.000 đồng, kèm theo xe là giấy đăng ký xe ô tô bản pho to; giấy chứng nhận kiểm định và bảo hiểm trách nhiệm dân sự. Xe trên được anh Đ thuê lại của Huỳnh Hoàng Tấn L, sinh năm 1987 ngụ ấp Kinh L, xã Long Đ, thành phố Trà V, tỉnh T. Tuy nhiên chủ sở hữu là chị Huỳnh Thị Tr, sinh năm 1977 ngụ ấp Sa B, xã Long Đ, thành phố T, tỉnh T đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký, anh L là người được chị Tr giao để cho Đ thuê lại. Sau khi nhận xe được khoảng 01 tuần, bị cáo mới nhờ một người tên “KH” ở tỉnh Bình D quen qua mạng xã hội (chưa xác định được tên, địa chỉ cụ thể) làm giả giấy đăng ký xe ô tô 84A - 075.53 do bị cáo Th đứng tên với giá 1.200.000 đồng.

Ngày 19/9/2022 bị cáo nhận được giấy xe qua đường bưu điện tại nhà của mình, đến ngày 20/9/2022 bị cáo đã đem xe ô tô 84A – 075.53 đến tiệm cầm đồ Hoàng Anh của ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967, ngụ Khóm 2, thị trấn Tiểu C nói cần tiền và yêu cầu cầm xe ô tô cho ông H với giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả do bị cáo đứng

tên với giá 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Ông H kiểm tra không phát hiện giấy giả, tin xe trên là của bị cáo và đã làm hợp đồng cầm cố tài sản với bị cáo Th và đã đưa 200.000.000 đồng cho bị cáo.

Số tiền 200.000.000 đồng cầm xe cho ông H có được, bị cáo Th dùng 168.000.000 đồng để chuộc xe trả anh T, dùng 20.500.000 đồng để chuộc xe mô tô mà bị cáo đã cầm trước đó cho ông H, đưa cho vợ là chị Thạch Thị Ngọc Đ cất giữ 11.500.000 đồng, khi đưa thì bị cáo không có nói là tiền do cầm xe ô tô bằng giấy giả có được và kêu chị Đ nộp tiền vào thẻ ATM. Sau đó chị Đ đã dùng số tiền trên để đóng lãi và làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả nợ cho ông H thay cho bị cáo Th hết.

Ngày 22/9/2022 chị Tr kiểm tra định vị xe phát hiện xe không di chuyển, nên kêu L kiểm tra thì phát hiện bị cáo đã đem đi cầm cho ông H và biết được bị cáo yêu cầu cầm thêm 50.000.000 đồng, đến ngày 25/9/2022 khi bị cáo Th vừa đến nhà của ông H nhận tiền cầm thêm 50.000.000 đồng thì bị ông H, L, Đ và chị Tr phát hiện trình báo Công an thị trấn Tiểu Cần.

Ngoài ra trước đó bị cáo có thuê xe ô tô biển số 84 A-084.87 của anh Đoàn Phú T ngụ tại ấp Dầu Gi, xã Mỹ Ch, huyện Châu T, tỉnh T, sau đó làm giấy giả và đem cầm cho một người ở tỉnh Bình D không xác định được họ tên năm sinh địa chỉ cụ thể.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe ô tô, nhãn hiệu Toyota, loại Vios E, biển số 84A – 075.53 màu trắng do ông Nguyễn Văn H giao nộp.

- 01 (một) xe ô tô tải, nhãn hiệu THACO, số loại TOWNER 750-MBB, màu xanh, tải trọng 650kg, số khung RNHTT07DACC097320, số máy DA465QE*2400136-3F5*, biển số 84C – 014.07, đã qua sử dụng do anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1994 ngụ Khóm 1, phường 2, thị xã Duyên H, tỉnh T giao nộp.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 84003811, tên chủ xe Kim Th, địa chỉ ấp Cây Hẹ, Phú Cần, Tiểu Cần, Trà Vinh, biển số đăng ký 84A – 084.78. Do chị Thạch Thị Ngọc Đ giao nộp.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 84001164, tên chủ xe Kim Th, địa chỉ Phú Cần, Tiểu Cần, Trà Vinh, biển số đăng ký 84A – 075.53. Do ông Nguyễn Văn H giao nộp (bút lục 225-234).

Qua làm việc bị cáo Kim Th đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình

Tại kết luận số 01/KL.HĐ ngày 30/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tiểu Cần. Kết luận giá trị xe ô tô tải THACO số loại TOWNER750-MBB, tải trọng 650kg tại thời điểm tháng 5 năm 2022 có giá 63.413.000 đồng

Tại kết luận số 541/KL-KTHS ngày 12/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 8400164, tên chủ xe Kim Th, địa chỉ Phú Cần, Tiểu Cần, Trà Vinh, nhãn hiệu: TOYOTA, số máy 2 NRX689218, số khung RL4B28F32M511282 do Công an tỉnh Trà Vinh cấp ngày 28/4/2021 là giấy giả.

Tại kết luận số 650/KL-KTHS ngày 06/12/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 84003811, tên chủ xe Kim Th, địa chỉ ấp cây Hẹ, Phú Cần, Tiểu Cần, Trà Vinh, nhãn hiệu: KIA, số máy G4FLMV214468, số khung RNYXA54M6MC241724 do Công an tỉnh Trà Vinh cấp ngày 01/3/2022 là giấy giả.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 28/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Kim Th về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo quy định tại khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận bản Cáo trạng xác định hành vi phạm tội của bị cáo là đúng, bị cáo không bổ sung gì thêm nội dung bản Cáo trạng.

Người bị hại ông Nguyễn Văn H và bà Triệu Mộng H vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên quá trình điều tra ông H và bà H đã nhận được số tiền bồi thường từ bị cáo nên không yêu cầu tiếp tục bồi thường.

Bị hại Thạch S, yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền số tiền 38.000.000 đồng (trong đó số tiền mà bị cáo chiếm đoạt là 29.000.000 đồng; tiền cho mượn riêng là 5.000.000 đồng và 4.000.000 đồng mua xe đạp điện cho bị cáo mượn) và xe ô tô tải biển số 84 C 014.07. Đối với yêu cầu của anh L, yêu cầu anh phải hoàn trả số tiền 7.000.000 đồng là tiền mà anh L sử dụng xe ô tô biển số 84 C – 014.07 mà anh đã mua từ anh S giao cho bị cáo quản lý thì anh đồng ý.

Bị hại Anh Nguyễn Văn L yêu cầu bị cáo Th phải trả lại anh số tiền là 40.000.000 đồng và yêu cầu chủ xe ô tô biển số 84 C – 014.07 hoàn trả chi phí sửa xe là 7.000.000 đồng

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan chị Thạch Thị Ngọc Đ, anh Nguyễn Minh T, anh Lê Vũ Ph, anh Đoàn Phú T; anh Huỳnh Hoàng Tấn L và chị Huỳnh Thị Tr vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên quá trình điều tra xác nhận đã nhận đủ tiền bồi thường nên không yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Gia Đ: quá trình điều tra anh Đ yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 5.000.000 đồng là tiền bị cáo thuê xe ô tô biển số 84 A- 075. 53 còn Thiếu lại. Tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 16/6/2023 anh Đ không yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền bằng 5.000.000 đồng và có yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh luận tội đối với bị cáo vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội, tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 55 Bộ luật hình sự xử bị cáo Kim Th từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù về tội “Sử dụng tài

liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt từ 10 (mười) năm đến 12 (mười hai) năm tù thời hạn tù được tính kể từ ngày 19/10/2022.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 điều 174 bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” để thu vào ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 584; 585 và 589 Bộ luật dân sự ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo đồng ý bồi thường cho anh Thạch S số tiền bằng 38.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn L 40.000.000 đồng.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng anh Đ tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 16/6/2023 anh Đ không yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

Đối với số tiền chi phí sửa xe anh L có yêu cầu anh S là chủ xe ô tô biển số 84 C – 014.07 hoàn trả chi phí sửa xe là 7.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh S thống nhất hoàn trả số tiền này cho anh L nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của anh S.

Đối với ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Mộng H, chị Thạch Thị Ngọc Đ, anh Nguyễn Minh T, anh Lê Vũ Ph, anh Đoàn Phú T; anh Huỳnh Hoàng Tấn L và chị Huỳnh Thị Tr xác nhận đã nhận đủ tiền bồi thường nên không yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết

Về vật chứng của vụ án:

Cơ quan điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là chị Huỳnh Thị Tr: 01 (một) xe ô tô, nhãn hiệu Toyota, loại Vios E, biển số 84A – 075.53 màu trắng đúng theo quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về vật chứng còn lại đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 bộ luật hình sự và Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự.

Hoàn trả cho anh Thạch S 01 (một) xe ô tô tải, nhãn hiệu THACO, số loại TOWNER 750-MBB, màu xanh, tải trọng 650kg, số khung RNHTT07DACC097320, số máy DA465QE*2400136-3F5*, biển số 84C – 014.07, đã qua sử dụng.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 84003811, tên chủ xe Kim Th, địa chỉ ấp Cây H, Phú C, Tiểu C, T, biển số đăng ký 84A – 084.78 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 84001164, tên chủ xe Kim Th, địa chỉ Phú C, Tiểu C, T, biển số đăng ký 84A – 075.53. tiếp tục lưu trữ hồ sơ vụ án.

Đối với hành vi của bị cáo Th thuê xe ô tô 84A – 084.78 của anh Đoàn Phú T, sau đó làm giấy giả và đem đi cầm cho một người ở tỉnh Bình D không xác định được họ, tên địa chỉ cụ thể. Xét thấy ngay từ đầu bị cáo không có ý định chiếm đoạt xe ô tô của anh T, bị cáo chỉ làm giấy giả đi cầm lấy tiền về trả nợ sau đó sẽ chuộc xe về trả lại. Sau khi cầm bị cáo đã tự nguyện chuộc xe về và trả lại cho anh T trước khi Cơ quan điều tra

phát hiện. Xét thấy về ý thức bị cáo không có ý định chiếm đoạt xe của anh T về hậu quả bị cáo đã khắc phục xong và bị hại không có ý kiến gì. Nên hành vi trên của bị cáo không cấu thành tội phạm, do không có sự việc phạm tội đối với hành vi thuê xe ô tô và đem đi cầm nên hành vi sử dụng giấy đăng ký giả cũng không cấu thành tội phạm.

Đối với người nhận làm thuê cho bị cáo hai giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô trên. Quá trình điều tra không chứng minh được người nhận làm giả giấy trên là ai, ở đâu, họ tên địa chỉ cụ thể. Nên không có cơ sở xử lý về hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức theo Điều 341 Bộ luật hình sự

Đối với hành vi của chị Thạch Thị Ngọc Đ: Việc bị cáo Th thuê xe ô tô 84A – 075.53 sau đó thuê người làm giả giấy chứng nhận đăng ký để đem đi cầm lấy tiền thì chị Đ không biết, khi nhận tiền từ bị cáo Th, chị Đ cũng không biết do bị cáo Th phạm tội mà có. Sau khi biết thì đã cầm, sang nhượng quyền sử dụng đất do mình đứng tên để trả nợ thay cho bị cáo Th, còn việc bị cáo Th thực hiện hành vi vi phạm cụ thể như thế nào thì chị Đ không biết. Xét thấy hành vi của chị Đ không đồng phạm với bị cáo Th và hành vi nhận, cất giữ tiền của chị Đ đến nay không đủ căn cứ để xử lý về tội không tố giác tội phạm theo Điều 390 Bộ luật hình sự. Đối với xe ô tô 84A – 084.78 việc bị cáo Th làm giả giấy đăng ký sau đó đem đi cầm lấy tiền thì chị Đ cũng không biết, đến khi nhận tiền thì cũng không biết là tiền do bị cáo Th cầm xe có được, nên không có cơ sở xử lý. Từ những lý do trên nên đề nghị không xem xét xử lý đối với chị Đ

Đối với hành vi của Nguyễn Minh T nhận cầm xe ô tô. Khi nhận cầm xe từ bị cáo Th thì không biết xe do bị cáo chiếm đoạt, chỉ nghe lời nói từ bị cáo Th nói là xe trên do bị cáo mua lại NH chưa làm thủ tục sang tên và việc bị cáo Th đưa ra thông tin gian dối lừa bán xe cho anh L thì anh T cũng không biết. Nên hành vi của anh Nguyễn Minh T không phạm tội

Đối với số tiền 5.000.000 đồng bị cáo mượn của anh S để tiêu sài cá nhân và xe đạp điện do anh S mua cũ giá 4.000.000 đồng. Xác định việc trên là hợp đồng dân sự của bị cáo và anh S, lúc hai người giao kết hợp đồng đều đồng tình tự nguyện giao kết với nhau. Nên không có cơ sở để xử lý về hành vi trên.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị hại ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Mộng H và những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan chị Thạch Thị Ngọc Đ, anh Nguyễn Minh T, anh Lê Vũ Ph, anh Đoàn Phú T; anh Huỳnh Hoàng Tấn L; anh Huỳnh Gia Đ và chị Huỳnh Thị Tr đều vắng mặt. Căn cứ vào điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự Tòa án T hành xét xử vắng mặt bị hại và những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan.

[2] Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan T hành tố tụng trong quá trình điều tra truy tố xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan T hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền T hành tố tụng đều đúng quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan T hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền T hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan T hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền T hành tố tụng đều hợp pháp.

[3]. Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với tình tiết như bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của các bị hại, của những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội, tài sản chiếm đoạt và vật chứng thu giữ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định: Do cần tiền trả nợ bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối đi tìm thuê xe nhằm mục đích làm giả giấy tờ để đem cầm lấy tiền trả nợ nên sau khi thuê được xe ô tô nhãn hiệu Toyota biển số 84 A.075.53 của anh Huỳnh Gia Đ bị cáo đã liên hệ với một người đàn ông tên KH ở Bình D để làm giả giấy tờ do bị cáo đứng tên, sau khi nhận được giấy tờ do bị cáo đứng tên bị cáo đã đem xe đến tiệm cầm đồ của ông H để cầm với giá là 200.000.000 đồng. Tại kết luận số 541/KL-KTHS ngày 12/10/2022 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 8400164 tên chủ xe Kim Th địa chỉ Phú Cần, Tiểu Cần, Trà Vinh, nhãn hiệu TOYOTA số máy 2 NRX689218 số khung RL4B28F32M511282 do Công an tỉnh Trà Vinh cấp ngày 28/4/2021 là giấy giả. Với hành vi làm giả tài liệu giấy tờ của cơ quan tổ chức để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là 200.000.000 đồng của ông H và đã L dụng lòng tin của anh S, anh L mà đưa ra thông tin giả dối nhằm chiếm đoạt tài sản của anh S và anh L tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của anh S và anh L là 69.000.000 đồng (trong đó anh S là 29.000.000 đồng và anh L là 40.000.000 đồng). Tổng số tiền mà bị cáo chiếm đoạt là 269.000.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

[4]. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần truy tố bị cáo Kim Th về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức đề nghị hình phạt là phù hợp với hành vi của bị cáo đã thực hiện.

[5]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan tổ chức, gây mất trật tự trị an tại địa Ph. Bị cáo nhận thức được hành vi lừa đảo của bị cáo và hành vi thuê người khác làm giả giấy tờ là vi phạm pháp luật nH vì động cơ tham lam, tư L nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Do vậy cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng cần căn

cứ vào những tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục hậu quả cho ông Nguyễn Văn H, ông H, anh Đ và anh L có đơn xin bãi nại cho bị cáo, bị cáo có cha ruột là ông Kim Sơnl tham gia chiến trường K và anh ruột là Kim Sâm Nang được chủ tịch nước tặng thưởng huy chương về vang hạng hai nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 điều 174 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 10.000.000 đồng về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và áp dụng khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 5.000.000 đồng về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức để thu vào ngân sách nhà nước.

[9]. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo đồng ý bồi thường cho anh Thạch S số tiền bằng 38.000.000 đồng (trong đó 29.000.000 đồng là tiền bị cáo nhận để lo cho anh S Th sát hạch lấy xe; 5.000.000 đồng là tiền mượn và 4.000.000 đồng là tiền mua xe đạp điện củ cho bị cáo mượn); anh Nguyễn Văn L 40.000.000 đồng

Đối với anh Huỳnh Gia Đ ngày 16/6/2023 anh Đ có đơn không yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền bằng 5.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với số tiền chi phí sửa xe anh L có yêu cầu anh S là chủ xe ô tô biển số 84 C – 014.07 hoàn trả chi phí sửa xe là 7.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh S thống nhất hoàn trả số tiền này cho anh L nên ghi nhận sự tự nguyện của anh S đồng ý hoàn trả chi phí sửa xe cho anh L là 7.000.000 đồng.

Đối với ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Mộng H, chị Thạch Thị Ngọc Đ, anh Nguyễn Minh T, anh Lê Vũ Ph, anh Đoàn Phú T; anh Huỳnh Hoàng Tân L và chị Huỳnh Thị Tr xác nhận đã nhận đủ tiền bồi thường nên không yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết

[10]. Về vật chứng của vụ án: Như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11]. Đối với hành vi của bị cáo Th thuê xe ô tô 84A – 084.78 của anh Đoàn Phú T, sau đó làm giấy giả và đem đi cầm cho một người ở tỉnh Bình D không xác định được họ, tên địa chỉ cụ thể. Xét thấy ngay từ đầu bị cáo không có ý định chiếm đoạt xe ô tô của anh T, bị cáo chỉ làm giấy giả đi cầm lấy tiền về trả nợ sau đó sẽ chuộc xe về trả lại. Sau khi cầm bị cáo đã tự nguyện chuộc xe về và trả lại cho anh T trước khi Cơ quan điều tra phát hiện. Xét thấy về ý thức bị cáo không có ý định chiếm đoạt xe của anh T về hậu quả bị cáo đã khắc phục xong và bị hại không có ý kiến gì. Nên hành vi trên của bị cáo không cấu thành tội phạm, do không có sự việc phạm tội đối với hành vi

thuê xe ô tô và đem đi cầm nên hành vi sử dụng giấy đăng ký giả cũng không cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết

[12]. Đối với người nhận làm thuê cho bị cáo hai giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô trên. Quá trình điều tra không chứng minh được người nhận làm giả giấy trên là ai, ở đâu, họ tên địa chỉ cụ thể nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết

[13]. Đối với hành vi của chị Thạch Thị Ngọc Đ: Việc bị cáo Th thuê xe ô tô 84A – 075.53 sau đó thuê người làm giả giấy chứng nhận đăng ký để đem đi cầm lấy tiền thì chị Đ không biết, khi nhận tiền từ bị cáo Th, chị Đ cũng không biết do bị cáo Th phạm tội mà có. Sau khi biết thì đã cầm, sang nhượng quyền sử dụng đất do mình đứng tên để trả nợ thay cho bị cáo Th, còn việc bị cáo Th thực hiện hành vi vi phạm cụ thể như thế nào thì chị Đ không biết. Xét thấy hành vi của chị Đ không đồng phạm với bị cáo Th và hành vi nhận, cất giữ tiền của chị Đ đến nay không đủ căn cứ để xử lý về tội không tố giác tội phạm theo Điều 390 Bộ luật hình sự. Đối với xe ô tô 84A – 084.78 việc bị cáo Th làm giả giấy đăng ký sau đó đem đi cầm lấy tiền thì chị Đ cũng không biết, đến khi nhận tiền thì cũng không biết là tiền do bị cáo Th cầm xe có được, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết

[14]. Đối với hành vi của Nguyễn Minh T nhận cầm xe ô tô. Khi nhận cầm xe từ bị cáo Th thì không biết xe do bị cáo chiếm đoạt, chỉ nghe lời nói từ bị cáo Th nói là xe trên do bị cáo mua lại NH chưa làm thủ tục sang tên và việc bị cáo Th đưa ra thông tin gian dối lừa bán xe cho anh L thì anh T cũng không biết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết

[15]. Đối với số tiền 5.000.000 đồng bị cáo mượn của anh S để tiêu sài cá nhân và xe đạp điện do anh S mua cũ giá 4.000.000 đồng. Xác định việc trên là giao dịch dân sự giữa bị cáo và anh S.

[16] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điểm a khoản 3 Điều 174; Điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Kim Th phạm tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Về trách nhiệm hình sự: Xử phạt bị cáo Kim Th 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 11 (mười một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/10/2022.

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 10.000.000 đồng về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản để sung vào Ngân sách nhà nước

và căn cứ vào khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 5.000.000 đồng về tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để sung vào Ngân sách nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Kim Th đồng ý hoàn trả cho anh Thạch S số tiền bằng 38.000.000 đồng (trong đó trong đó 29.000.000 đồng là tiền bị cáo nhận để lo cho anh S Th sát hạch lấy xe; 5.000.000 đồng là tiền mượn và 4.000.000 đồng là tiền mua xe đạp điện củ cho bị cáo mượn) và 40.000.000 đồng cho anh Nguyễn Văn L.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Thạch S đồng ý hoàn trả cho anh L số tiền bằng 7.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được Th hành án có đơn yêu cầu Th hành án nếu người phải Th hành án không thanh toán số tiền trên cho người được Th hành án thì hàng tháng người phải Th hành án còn phải trả cho người được Th hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời hạn và số tiền chậm trả.

Đối với anh Huỳnh Gia Đ, anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là chị Huỳnh Thị Tr: 01 (một) xe ô tô, nhãn hiệu Toyota, loại Vios E, biển số 84A – 075.53 màu trắng đúng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Hoàn trả cho anh Thạch S 01 (một) xe ô tô tải, nhãn hiệu THACO, số loại TOWNER 750-MBB, màu xanh, tải trọng 650kg, số khung RNHTT07DACC097320, số máy DA465QE*2400136-3F5*, biển số 84C – 014.07, đã qua sử dụng.

01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 84003811, tên chủ xe Kim Th, địa chỉ ấp Cây Hẹ, Phú Cần, Tiểu Cần, Trà Vinh, biển số đăng ký 84A – 084.78 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 84001164, tên chủ xe Kim Th, địa chỉ Phú C, Tiểu C, T, biển số đăng ký 84A – 075.53 được tiếp tục lưu trữ hồ sơ vụ án.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Kim Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Bản án này được Th hành theo quy định tại Điều 2 Luật Th hành án dân sự thì người được Th hành án dân sự, người phải Th hành án dân sự có quyền thỏa thuận Th hành án, quyền yêu cầu Th hành án, tự nguyện Th hành án hoặc bị cưỡng chế Th hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Th hành án dân sự; thời hiệu Th hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Th hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tiểu Cần;
- UBND xã Phú Cần;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thị Thu Hiền

